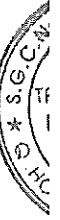


Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển
đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 4 tháng 6 năm 1995 và được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 2295/QĐ-BVNTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch. Theo Quyết định số 2355/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2013, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam gắn với xây dựng Dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia. Theo đó, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị và hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đức Thế	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Ông Lê Thăng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Ông Vũ Ngoạn Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Văn Thị Hải Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
Bà Lê Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2015
-------------------	---------------	----------------------------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thăng Long.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:


- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

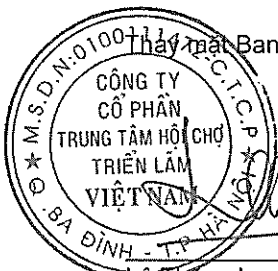
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60755008/16942518

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 6 tháng 5 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 6 tháng 5 năm 2015 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 1 tháng 7 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Nguyễn Quốc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2584-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.657.635.522.083	1.631.271.803.773
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	940.690.149.955	1.620.080.973.532
111	1. Tiền		10.690.149.955	1.620.080.973.532
112	2. Các khoản tương đương tiền		930.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		716.867.165.982	9.740.055.224
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	10.682.812.192	5.542.653.122
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	9.063.133.157	2.578.792.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	19	669.436.450.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	27.684.770.633	1.618.610.102
140	III. Hàng tồn kho		68.176.980	222.700.687
141	1. Hàng tồn kho		68.176.980	222.700.687
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.029.166	1.228.074.330
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.029.166	1.228.074.330
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.148.031.652	66.959.282.928
220	I. Tài sản cố định		46.388.251.667	58.733.738.379
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	46.357.548.261	58.733.738.379
222	Nguyên giá		146.296.413.545	146.296.413.545
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(99.938.865.284)	(87.562.675.166)
227	2. Tài sản cố định vô hình		30.703.406	-
228	Nguyên giá		35.000.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.296.594)	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		11.458.705.473	6.447.555.865
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	11.458.705.473	6.447.555.865
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.301.074.512	1.777.988.684
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.301.074.512	1.777.988.684
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.716.783.553.735	1.698.231.086.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.108.366.283	1.528.898.203.411
310	I. Nợ ngắn hạn		14.415.630.283	1.526.275.443.411
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	4.674.258.517	146.756.752
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		466.080.000	1.109.348.249
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	5.863.381.603	6.350.768.122
314	4. Phải trả người lao động		1.623.214.846	7.694.004.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11.2	1.091.312.787	962.759.013
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		218.491.645	2.258.229.625
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	12.1	478.890.885	1.507.753.577.150
330	II. Nợ dài hạn		1.692.736.000	2.622.760.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	12.2	1.692.736.000	2.622.760.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.700.675.187.452	169.332.883.290
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	1.700.675.187.452	169.332.883.290
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.666.040.500.000	106.583.435.721
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		1.666.040.500.000	106.583.435.721
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.288.132.925	-
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	59.328.301.235
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	2.049.094.502
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.346.554.527	1.372.051.832
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	1.372.051.832
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		29.346.554.527	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.716.783.553.735	1.698.231.086.701

Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập

Hoàng Thị Anh Minh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

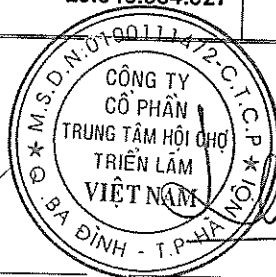
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.1	64.757.421.732	64.523.947.218
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.1	-	(39.355.455)
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14.1	64.757.421.732	64.484.591.763
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	(64.939.849.620)	(56.112.700.778)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(182.427.888)	8.371.890.985
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	51.611.735.407	646.928.658
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		(411.252.363)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(13.310.372.631)	(4.373.139.147)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.707.682.525	4.645.680.496
31	11. Thu nhập khác		93.500.000	641.442.487
32	12. Chi phí khác		-	(485.469.233)
40	13. Lợi nhuận khác		93.500.000	155.973.254
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.801.182.525	4.801.653.750
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	(8.454.627.998)	(1.714.256.741)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.346.554.527	3.087.397.009



Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập



Hoàng Thị Anh Minh
Kế toán trưởng




Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015 (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		37.801.182.525	4.801.653.750
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		12.380.486.712	232.951.393
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(536.743.914)	(400.121.491)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	14.2	(50.722.463.743)	-
08	(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.077.538.420)	4.634.483.652
09	Tăng các khoản phải thu		(10.311.875.816)	(5.473.801.697)
10	Giảm hàng tồn kho		154.523.707	273.470.590
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.518.366.291.327)	1.495.083.119.271
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		1.694.959.336	(189.014.192)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.607.007.089)	(5.015.906.673)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.190.799.903)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(1.533.513.229.609)	1.485.121.551.048
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.046.149.608)	(599.018.546)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(669.436.450.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		23.343.678.801	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(651.138.920.807)	(599.018.546)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.505.312.153.250	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		(587.570.325)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.504.724.582.925	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015 (trình bày lại)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(679.927.567.491)	1.484.522.532.502
60	Tiền đầu kỳ		1.620.080.973.532	135.158.319.539
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		536.743.914	400.121.491
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	940.690.149.955	1.620.080.973.532



Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập



Hoàng Thị Anh Minh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0106000740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 4 tháng 6 năm 1995 và được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 2295/QĐ-BVNTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch. Theo Quyết định số 2355/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2013, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam gắn với xây dựng Dự án Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc gia. Theo đó, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị và hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 186 người (ngày 5 tháng 5 năm 2015: 189 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Lập báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp*

Vào ngày 6 tháng 5 năm 2015, Công ty đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Công ty lập báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 5 tháng 5 năm 2015 được kế thừa từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trước khi chuyển đổi, và dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 6 tháng 5 năm 2015, là ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần, đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các kỳ kế toán năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 và điều chỉnh lại một số số liệu so sánh như đã trình bày tại Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Máy móc, thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	3 – 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

30
 1
 N
 T
 Y
 H
 U
 X
 M
 T
 S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc và khi dịch vụ được cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê mặt bằng

Doanh thu cho thuê mặt bằng ngắn hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Tiền mặt	530.323.362	4.280.192.786
Tiền gửi ngân hàng	10.159.826.593	1.615.800.780.746
Các khoản tương đương tiền	930.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	940.690.149.955	1.620.080.973.532

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng với lãi suất từ 4%/năm đến 4,5%/năm và có thời hạn từ 1 đến 2 tháng.

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	2.751,61	1.528.984,73

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
Phải thu từ hoạt động triển lãm	10.311.649.413	4.768.446.842
Phải thu từ hoạt động khác	371.162.779	774.206.280
TỔNG CỘNG	10.682.812.192	5.542.653.122
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>10.677.577.193</i>	<i>5.542.653.122</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>5.234.999</i>	<i>-</i>
Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu		
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vietbuild	2.041.943.000	1.623.425.000
- Cục Hợp tác Quốc tế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.274.926.660	-
- Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.107.238.000	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất Hà Nội	1.800.000.000	1.800.000.000
- Công ty GMP International	3.388.211.618	-
- Công ty TNHH Arup Việt Nam	3.200.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	674.921.539	778.792.000
TỔNG CỘNG	<u>9.063.133.157</u>	<u>2.578.792.000</u>
Dự phòng trả trước cho người bán khó thu hồi	-	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
Phải thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27.378.784.942	-
Tạm ứng cho nhân viên	259.591.307	1.168.513.726
Phải thu khác	46.394.384	450.096.376
TỔNG CỘNG	<u>27.684.770.633</u>	<u>1.618.610.102</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>24.141.284.942</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác từ các bên khác</i>	<i>3.543.485.691</i>	<i>1.618.610.102</i>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	-	-

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)	128.517.763.471	10.863.522.399	4.808.010.962	2.107.116.713	146.296.413.545
Tăng/(giảm) trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	128.517.763.471	10.863.522.399	4.808.010.962	2.107.116.713	146.296.413.545
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)	76.160.806.159	8.127.819.552	2.349.557.775	924.491.680	87.562.675.166
Khấu hao trong kỳ	11.400.305.194	595.677.232	322.135.482	58.072.210	12.376.190.118
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	87.561.111.353	8.723.496.784	2.671.693.257	982.563.890	99.938.865.284
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015	52.356.957.312	2.735.702.847	2.458.453.187	1.182.625.033	58.733.738.379
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	40.956.652.118	2.140.025.615	2.136.317.705	1.124.552.823	46.357.548.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Dự án Trung tâm Văn hóa, Du lịch, Thương mại tại Mỹ Trì	6.220.914.683	6.447.555.865
Dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc gia tại Nhật Tân	4.353.818.182	-
Dự án Trung tâm Thương mại, Dịch vụ, Văn hóa tại 148 Giảng Võ	883.972.608	-
TỔNG CỘNG	<u>11.458.705.473</u>	<u>6.447.555.865</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
Công cụ, dụng cụ	937.969.387	1.777.988.684
Chi phí trả trước dài hạn khác	363.105.125	-
TỔNG CỘNG	<u>1.301.074.512</u>	<u>1.777.988.684</u>

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>	<i>Số phát sinh trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.032.089.847	2.975.970.323	(3.204.629.344)	803.430.826
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 18)	1.321.911.151	8.454.627.998	(5.607.007.089)	4.169.532.060
Thuế thu nhập cá nhân	763.988.682	2.635.543.777	(2.509.113.742)	890.418.717
Tiền thuế đất	2.822.994.767	6.018.184.233	(8.841.179.000)	-
Thuế khác	409.783.675	48.360.402	(458.144.077)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.350.768.122</u>	<u>20.132.686.733</u>	<u>(20.620.073.252)</u>	<u>5.863.381.603</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Phải trả nhà cung cấp hội chợ triển lãm Milan	4.553.120.000	-
Phải trả cho người bán khác	121.138.517	146.756.752
TỔNG CỘNG	4.674.258.517	146.756.752

11.2 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Trích trước chi phí điện	75.229.478	389.335.879
Trích trước chi phí khác	1.016.083.309	573.423.134
TỔNG CỘNG	1.091.312.787	962.759.013

12. PHẢI TRẢ KHÁC

12.1 Phải trả ngắn hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Phân loại lại)</i>
Phải trả về cổ phần hóa (i)	-	1.505.312.153.250
Tiền tổ chức triển lãm thu hộ phải trả	-	1.877.458.589
Phải trả khác	478.890.885	563.965.311
TỔNG CỘNG	478.890.885	1.507.753.577.150

(i) Đây là khoản tiền mua cổ phần của Công ty mà Công ty đã nhận từ các cổ đông khi tiến hành cổ phần hóa.

12.2 Phải trả dài hạn khác

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Đặt cọc từ khách hàng	1.692.736.000	2.622.760.000
TỔNG CỘNG	1.692.736.000	2.622.760.000

Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	106.830.151.021	-	58.337.958.235	2.049.094.502	-	167.217.203.758
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015						3.087.397.009
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.087.397.009	(3.087.397.009)
- Trích lập quỹ	(199.375.300)	-	-	-	-	(199.375.300)
- Quyết toán chi phí cổ phần hóa	(47.340.000)	-	990.343.000	-	1.372.051.832	2.315.054.832
- Tặng/(giảm) khác						
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015 (Trình bày lại)	106.583.435.721	-	59.328.301.235	2.049.094.502	1.372.051.832	169.332.883.290
	106.583.435.721	-	59.328.301.235	2.049.094.502	1.372.051.832	169.332.883.290
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 5 tháng 5 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015 (i)	1.499.436.450.000	5.875.703.250	-	-	-	1.505.312.153.250
- Vốn góp của cổ đông chiến lược và các cổ đồng khác	62.749.447.569	-	(59.328.301.235)	(2.049.094.502)	(1.372.051.832)	-
- Chuyển vốn khác của Nhà nước thành vốn góp (i)	(2.728.833.290)	(587.570.325)	-	-	-	(2.728.833.290)
- Phần chênh lệch vốn góp phải trả lại cho Nhà nước (ii)	-	-	-	-	-	(587.570.325)
- Thặng dư vốn cổ phần phải trả lại Nhà nước	-	-	-	-	29.346.554.527	29.346.554.527
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.666.040.500.000	5.288.132.925	-	-	29.346.554.527	1.700.675.187.452

(*) Theo Biên bản xác định giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm bán giao sang công ty cổ phần ngày 6 tháng 5 năm 2015, giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước được xác định là 169,3 tỷ VND (gồm các khoản (i) ở trên), và giá trị phần vốn góp điều lệ của Nhà nước tại Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 166,6 tỷ VND. Theo đó, giá trị của các khoản vốn khác của Nhà nước tại ngày 6 tháng 5 năm 2015 được kết chuyển thành vốn góp điều lệ của Nhà nước tại Công ty (62,7 tỷ VND) và phần chênh lệch giữa vốn góp thực tế và vốn góp điều lệ của Nhà nước (2,7 tỷ VND – xem Khoản (ii) ở trên) được ghi nhận là một khoản phải trả lại Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Ngày 5 tháng 5 năm 2015		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
	Đơn vị tính: VND					
Vốn cổ phần của Nhà nước	166.604.050.000	166.604.050.000	-	-	-	-
Vốn cổ phần của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	1.388.109.450.000	1.388.109.450.000	-	-	-	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	111.327.000.000	111.327.000.000	-	-	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	5.288.132.925	5.288.132.925	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	1.671.328.632.925	1.671.328.632.925	-	-	-	-

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu	106.583.435.721	106.830.151.021
Vào ngày 5 tháng 5 năm 2015		
Vốn góp tăng trong năm	1.562.185.897.569	-
Vốn góp giảm trong năm	(2.728.833.290)	(246.715.300)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>1.666.040.500.000</u>	<u>106.583.435.721</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

13.4 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 5 tháng 5 năm 2015	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành, đã phát hành và đang được lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	166.604.050	1.666.040.500.000	Chưa phát hành cổ phiếu	
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	Chưa phát hành cổ phiếu	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	64.757.421.732	64.523.947.218
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động triển lãm, hội chợ	48.579.476.726	53.519.787.078
Doanh thu từ các dịch vụ khác	16.177.945.006	11.004.160.140
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(39.355.455)
Doanh thu thuần	64.757.421.732	64.484.591.763

14.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.722.463.743	246.807.167
Lãi chênh lệch tỷ giá	889.271.664	400.121.491
TỔNG CỘNG	51.611.735.407	646.928.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Chi phí nhân viên	18.475.512.060	10.257.839.751
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	2.126.595.003	154.321.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.330.855.776	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.006.886.781	45.700.539.450
TỔNG CỘNG	64.939.849.620	56.112.700.778

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Chi phí nhân viên	8.959.676.140	903.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.510.133.622	381.617.651
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	840.562.869	3.087.721.496
TỔNG CỘNG	13.310.372.631	4.373.139.147

17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Chi phí nhân công	27.435.188.200	11.161.639.751
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12.380.486.712	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.517.020.403	46.082.157.101
Chi phí khác	3.328.779.299	3.242.043.073
TỔNG CỘNG	78.661.474.614	60.485.839.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Lợi nhuận trước thuế	37.801.182.525	4.801.653.750
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Chi phí phạt chậm nộp thuế	51.706.308	475.469.233
Các chi phí không được trừ khác (Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản tiền có gốc ngoại tệ	1.113.982.344	198.833.333
	(536.743.914)	74.146.912
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	38.430.127.263	5.550.103.228
Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính trong kỳ	8.454.627.998	1.221.022.710
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp theo kết quả thanh tra thuế	-	493.234.031
Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính trong kỳ sau điều chỉnh	8.454.627.998	1.714.256.741
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.321.911.151	4.623.561.083
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(5.607.007.089)	(5.015.906.673)
Thuế thu TNDN phải nộp cuối kỳ	4.169.532.060	1.321.911.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Cho vay</i>	<i>Lãi vay phải thu</i>
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	669.436.450.000	24.141.284.942
TỔNG CỘNG		669.436.450.000	24.141.284.942

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cuối kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

► **Phải thu khách hàng và phải thu khác**

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinpro	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu khác	5.234.999
			5.234.999
<i>Phải thu lãi vay</i>			
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	Lãi vay phải thu	24.141.284.942
			24.141.284.942

► **Phải thu ngắn hạn về cho vay**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
		<i>VND</i>	<i>%/năm</i>	
Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Công ty mẹ	599.436.450.000	6%	29/05/2016
		70.000.000.000	6%	04/06/2016
		669.436.450.000		

(*) Khoản vay này có thời hạn là 1 năm và lãi suất là 6%/năm. Lãi vay sẽ được thanh toán vào ngày thanh toán gốc vay. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. CÁC CAM KẾT

Các cam kết liên quan đến hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 5 tháng 5 năm 2015</i>
Đến 1 năm	9.027.275.040	9.027.275.040
Trên 1 đến 5 năm	19.032.504.876	25.050.688.236
TỔNG CỘNG	28.059.779.916	34.077.963.276

Các cam kết phát triển dự án

Theo đề án cổ phần hóa đã được phê duyệt và các văn bản pháp lý có liên quan, Công ty đang thực hiện một số cam kết liên quan đến việc phát triển Dự án Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia ở Nhật Tân, Hà Nội, Dự án Trung tâm văn hóa, du lịch, thương mại ở Mỹ Trì, Hà Nội và Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa ở 148 Giảng Võ, Hà Nội.

21. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số dữ liệu trên báo cáo tài chính vào ngày 5 tháng 5 năm 2015 đã được phân loại và trình bày lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính kỳ này, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán vào ngày 5 tháng 5 năm 2015

<i>Mã số</i>	<i>Khoản mục</i>		<i>Số đã được trình bày trước đây</i>	<i>Trình bày và phân loại lại</i>	<i>Số được trình bày lại</i>
131	Phải thu khách hàng	(1)	5.642.653.122	(100.000.000)	5.542.653.122
136	Phải thu ngắn hạn khác	(2),(7)	950.096.376	668.513.726	1.618.610.102
155	Tài sản ngắn hạn khác	(2)	1.168.513.726	(1.168.513.726)	-
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	(3)	265.688.333	962.385.997	1.228.074.330
261	Chi phí trả trước dài hạn	(3),(4)	3.837.658.426	(2.059.669.742)	1.777.988.684
222	Nguyên giá	(4)	144.616.003.272	1.680.410.273	146.296.413.545
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(4)	(86.979.548.638)	(583.126.528)	(87.562.675.166)
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(1),(6)	470.120.523	639.227.726	1.109.348.249
314	Phải trả người lao động	(6),(7)	-	7.694.004.500	7.694.004.500
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(5)	-	2.258.229.625	2.258.229.625
319	Phải trả ngắn hạn khác	(6)	1.519.017.606.538	(11.264.029.388)	1.507.753.577.150
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(5)	2.258.229.625	(2.258.229.625)	-
411	Vốn cổ phần đã phát hành	(6)	105.799.007.724	784.427.997	106.583.435.721
418	Quỹ đầu tư phát triển	(6)	1.874.777.169	174.317.333	2.049.094.502
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6)	-	1.372.051.832	1.372.051.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

- (1) Bù trừ phải thu khách hàng với người mua trả tiền trước ngắn hạn một khoản là 100.000.000 VND để cân trừ số dư công nợ với cùng một khách hàng;
- (2) Phân loại lại khoản tạm ứng cho nhân viên sang phải thu ngắn hạn khác theo hướng dẫn của Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính;
- (3) Phân loại lại một số khoản chi phí trả trước dài hạn (962.385.997 VND) sang chi phí trả trước ngắn hạn theo đúng thời gian phân bổ của công cụ dụng cụ;
- (4) Phân loại lại một số tài sản đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định (tương ứng là 1.680.410.273 VND và 583.126.528 VND) từ chi phí trả trước dài hạn sang tài sản cố định hữu hình;
- (5) Phân loại doanh thu chưa thực hiện dài hạn phải thực hiện trong vòng 12 tháng tới sang doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn;
- (6) Phân loại lại từ phải trả ngắn hạn khác sang các khoản mục sau theo Biên bản bàn giao từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần khi Công ty hoàn thành cổ phần hóa:
 - ▶ Người mua trả tiền trước ngắn hạn: 739.227.726 VND
 - ▶ Phải trả người lao động: 8.194.004.500 VND
 - ▶ Vốn cổ phần đã phát hành: 784.427.997 VND
 - ▶ Quỹ đầu tư phát triển: 174.317.333 VND
 - ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.372.051.832 VND
- (7) Cân trừ chi phí cổ phần hóa ghi nhận là khoản phải thu ngắn hạn khác và phải trả người lao động (500.000.000 VND) do đã được quyết toán theo biên bản xác định giá trị thực tế của công ty Cổ phần.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 5 tháng 5 năm 2015

Mã số	Khoản mục	Số đã được trình bày trước đây	Phân loại lại	Số được phân loại lại
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(8) 1.498.429.969.939	(3.346.850.668)	1.495.083.119.271
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(8) (7.537.650.571)	3.346.850.668	(4.190.799.903)
(8)	Phân loại lại tiền thuế đã trả từ tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh về giảm các khoản phải trả.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 6 tháng 5 năm 2015 (ngày chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

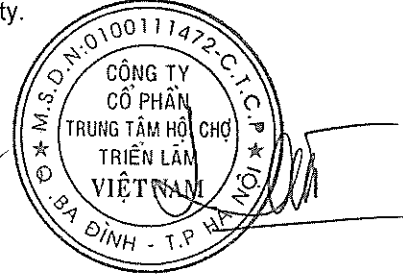
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



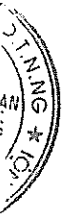
Đỗ Thị Ngọc Tú
Người lập



Hoàng Thị Anh Minh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2016